

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH, BỀN VỮNG HIỆN NAY

★ PGS, TS ĐOÀN XUÂN THỦY

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- **Tóm tắt:** Sau các cuộc cách mạng công nghiệp, nhân loại đã có những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với vấn đề biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên. Điều đó đòi hỏi các chính phủ phải xây dựng nền kinh tế xanh, bền vững. Bài viết trình bày khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và quá trình hình thành, phát triển nhận thức của Đảng ta về phát triển kinh tế xanh, bền vững; yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển kinh tế xanh, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- **Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh; kinh tế xanh; phát triển bền vững.

1. Khái quát về sự cần thiết phát triển kinh tế xanh và tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái

1.1. Khái quát về sự cần thiết phát triển kinh tế xanh

Kinh tế xanh là một trong những khái niệm mới xuất hiện trong hai thập kỷ qua và có liên quan chặt chẽ với khái niệm phát triển bền vững, gắn với yêu cầu đảm bảo đạt được đồng thời các mục tiêu xã hội, kinh tế và môi trường cho nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Sự hình thành, phát triển kinh tế xanh là một quá trình chuyển đổi các hoạt động kinh tế theo hướng phát triển ít carbon, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và phúc lợi của người dân thông qua việc sử dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo để

tạo việc làm mới, đồng thời giảm thiểu rủi ro môi trường trong lâu dài. Báo cáo tổng hợp của Chương trình Môi trường Liên hợp quốc dành cho các nhà hoạch định chính sách, “Hướng tới nền kinh tế xanh”, cho rằng, nền kinh tế xanh là nền kinh tế cải thiện phúc lợi của con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể rủi ro cho môi trường và sự suy thoái của nó. Đây là nền kinh tế ít carbon, sử dụng tài nguyên hiệu quả và toàn diện về mặt xã hội¹. Báo cáo thường niên của UNEP 2009 nêu rõ, nền kinh tế xanh là một hệ thống các hoạt động kinh tế gắn liền với sản xuất, phân phối và tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ nhằm cải thiện phúc lợi con người lâu dài mà không khiến thế hệ tương lai phải chịu những rủi ro môi trường đáng kể hoặc các vấn đề môi trường². Báo cáo của UNEP

nhân mạnh sự nhấn mạnh của nền kinh tế xanh vào khía cạnh kinh tế của phát triển bền vững, với sự thừa nhận ngày càng tăng rằng tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, trái ngược với nhận thức phổ biến về sự đánh đổi giữa hai lĩnh vực, có thể là những chiến lược bổ sung cho nhau.

Sự cần thiết của sự hình thành, phát triển kinh tế xanh xuất phát từ yêu cầu phát triển bền vững trước những thách thức của biến đổi khí hậu. Kể từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, phát triển kinh tế của nhân loại đã đạt được những tiến bộ to lớn về sự thịnh vượng vật chất. Song chính sự tiến bộ đó ngày càng bị đe dọa bởi chính các mô hình kinh tế đã khiến nó trở nên khả thi. Phát triển kinh tế kiểu truyền thống được đo lường và quản lý theo hướng khuyến khích tiêu dùng quá mức, gây tổn hại cho thiên nhiên và các mối liên kết xã hội, trở thành nguyên nhân thúc đẩy biến đổi khí hậu. Nhằm khắc phục hậu quả của cách thức phát triển đó, năm 2015, cộng đồng toàn cầu đã cam kết giải quyết các vấn đề liên quan này thông qua các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, hiện nay cần có những thay đổi đáng kể về kinh tế, xã hội và thể chế nếu muốn đạt được các cam kết năm 2030 và các mục tiêu về khí hậu³.

Nghiên cứu của Jean McLean, công bố ngày 09/10/2024 về biến đổi khí hậu và bảo vệ thiên nhiên cho thấy, 71% số người được khảo sát tin rằng cần phải có hành động lớn ngay lập tức - trong thập kỷ tới - để giảm lượng khí thải carbon. Thuế carbon cao hơn, thuế lũy tiến cao hơn đối với thu nhập và mức thuế cao hơn đối với các doanh nghiệp lớn cũng nhận được sự ủng hộ từ đa số, để tài trợ cho những thay đổi lớn đối với nền kinh tế và lối sống theo hướng xanh. Hai phần ba số người được khảo sát đồng ý lựa

chọn cách thức hoạt động của nền kinh tế hướng tới ưu tiên sức khỏe và phúc lợi của con người và thiên nhiên thay vì chỉ tập trung vào lợi nhuận và gia tăng của cải⁴. 80% người dân trên toàn cầu cho biết họ muốn đất nước của mình hành động về biến đổi khí hậu, trong khi 72% người dân trên toàn cầu cho biết họ muốn đất nước của mình nhanh chóng chuyển từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng sạch⁵.

1.2. Khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế là hệ thống các quan điểm cơ bản về phát triển kinh tế gắn với bối cảnh lịch sử đấu tranh cách mạng giành, giữ chính quyền và xây dựng xã hội mới ở Việt Nam. Trong các quan điểm về phát triển kinh tế, Hồ Chí Minh luôn coi trọng nguyên tắc: vừa tuân theo quy luật phát triển kinh tế chung nhưng phải coi trọng tính đặc thù của từng nước, từng nơi, từng hoàn cảnh khi vận dụng các quy luật ấy. Mục tiêu phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được Người phác họa đơn giản và dễ hiểu: “*Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động*”⁶. Quan tâm mục tiêu kinh tế “vì con người, vì nhân dân” là thể hiện sự quan tâm, chăm lo đến yếu tố động nhất, quyết định nhất của lực lượng sản xuất. Trong bài “Chính phủ là công bộc của dân”, đăng trên báo “Cứu quốc, số 46, ngày 19/9/1945 và bài “Sao cho được lòng dân” đăng trên báo “Cứu quốc, số 65, ngày 12/10/1945, Bác Hồ đã cho chúng ta một phương châm hành động cách mạng nói chung và hành động kinh tế nói riêng: “Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh”⁷. Trong

từng bối cảnh lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đều có những quan điểm cụ thể về kinh tế, đặc biệt là xuất phát từ nắm vững tình hình thực tiễn để xác định đúng đắn vấn đề trọng tâm trong chính sách kinh tế của Đảng. Người nhắc nhở: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”⁸, đồng thời, sự nghiệp đó phải “do nhân dân tự xây dựng lấy”⁹.

Mặc dù trong thời của Bác, vấn đề phát triển bền vững chưa được đặt ra như yêu cầu cấp thiết của bối cảnh hiện nay, song có thể thấy trong các bài nói, bài viết của Bác nhận thức đúng đắn về sự phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái. Theo Bác, “Người cộng sản hiểu biết thiên nhiên để buộc thiên nhiên phục vụ hạnh phúc loài người”¹⁰; để giải quyết mâu thuẫn giữa xã hội và giới thiên nhiên, phải “dùng cách phát triển lực lượng sản xuất mà giải quyết”¹¹. Một trong những cách giải quyết là thực hiện cuộc vận động Tết trồng cây. Bác viết: “*Mùa xuân là Tết trồng cây. Làm cho đất nước càng ngày càng Xuân*”¹². Bác chỉ rõ: “Tết trồng cây chẳng những có ý nghĩa kinh tế, mà còn có *ý nghĩa chính trị to lớn*. Trong lúc bọn Mỹ - Diệm dã man bỏ thuốc độc phá hoại cây cối núi rừng ở miền Nam, thì ở miền Bắc nhân dân ta thi đua trồng cây gây rừng. Chỉ một việc đó cũng đủ làm cho người ta so sánh giữa hai chế độ ta và địch, và nhận rõ sự tốt đẹp của chế độ ta. Ta trồng cây cho ta và cho cả đồng bào miền Nam nữa”¹³; “Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội để nhân dân được ăn no, mặc ấm, học tập, có nhà ở tốt. Thanh niên nam nữ khi lấy vợ, lấy chồng phải có nhà ở. Trồng cây sẽ có gỗ để làm nhà. Cây cối còn làm cho đất nước tươi đẹp, người đi

đường có cây cao bóng mát để nghỉ ngơi. Cây cối còn ảnh hưởng tốt đến khí hậu và sức khỏe của nhân dân”¹⁴; “Tục ngữ ta có câu “Rừng vàng biển bạc”. Gây rừng và bảo vệ rừng là rất cần thiết. Hiện nay tình ta còn có cái tệ phá rừng, thế thì khác nào đem vàng đổ xuống biển? Đồng bào và chính quyền phải nghiêm khắc ngăn ngừa tệ hại ấy”¹⁵; “Hợp tác xã nào cũng phải có kế hoạch trồng rừng và tích cực bảo vệ rừng. Nếu rừng kiệt thì không còn gỗ và mất nguồn nước thì ruộng nương mất màu, gây ra lụt lội và hạn hán. Vì vậy đồng bào miền núi và trung du cũng như đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế ở đây phải bảo vệ rừng như bảo vệ nhà cửa của mình”¹⁶.

2. Quá trình hình thành, phát triển nhận thức của Đảng ta về phát triển kinh tế xanh, bền vững và yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển kinh tế xanh, bền vững giai đoạn hiện nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

2.1. Quá trình hình thành, phát triển nhận thức của Đảng ta về phát triển kinh tế xanh, bền vững

Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của trồng cây gây rừng, tại Thông tri của Ban Bí thư Số 329-TT/TW, ngày 14/1/1976 Về việc phát động “Tết trồng cây mừng đất nước thống nhất” nêu rõ: “Năm 1959, nhân ngày Tết âm lịch, Hồ Chủ tịch đã phát động phong trào trồng cây và từ đó, Người thường xuyên theo dõi, nhắc nhở, động viên phong trào “Tết trồng cây” dần dần trở thành một phong tục tốt đẹp của nhân dân ta. Ngày nay, trong điều kiện miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, cả nước có hoà bình, chúng ta càng có điều kiện và khả năng lợp lại màu xanh, cải thiện môi trường sống trên đất nước ta. Hơn bao giờ hết, chúng ta quyết biến chủ trương của

Hồ Chủ tịch thành hiện thực ở khắp mọi nơi”¹⁷. Thông tri cũng nhận thức rõ mối quan hệ giữa trồng cây với bảo vệ môi trường: “Vi yêu cầu xây dựng lại đất nước, quê hương sau chiến tranh, để góp phần cải thiện đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường sống, các cấp uỷ phải lãnh đạo chính quyền địa phương, các ngành, các đoàn thể nhân dân, công nhân viên và tổ chức cho mọi người tham gia có hiệu quả thiết thực vào Tết trồng cây mừng đất nước thống nhất”¹⁸.

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, ngày 16/12/1976 về Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976-1980 khẳng định: “việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 sẽ tăng cường một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa lại một sự bố trí

mới các lực lượng sản xuất trên địa bàn cả nước với nhiều ngành, nghề mới, với những vùng kinh tế mới, những khu vực dân cư mới kết hợp thành phố và nông thôn, kết hợp hoạt động và đời sống của con người với điều kiện thiên nhiên và cảnh đẹp của đất nước. Trong sự bố trí chiến lược đó, ăn khớp với các khu vực sản xuất là những khu vực dân cư, có địa điểm và số dân hợp lý, gồm những khu vực dân cư hiện có được điều chỉnh lại và những khu vực dân cư mới, ở đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển. Các khu vực dân cư đó đều được tổ chức thuận lợi cho lao động sản xuất, cho đời sống của nhân dân, cho việc bảo vệ môi trường”¹⁹.

Trong phát triển kinh tế, Đảng ta nhận thức rõ yêu cầu bảo vệ môi trường: “Phải chú trọng đầy đủ việc bảo vệ môi trường trong công tác khai hoang. Khai hoang phải đi liền với bảo vệ và cải tạo đất, xây dựng đồng ruộng²⁰; “Trong việc nghiên cứu thiết kế và xây dựng các công trình dầu khí “phải đặc biệt chú trọng bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm”²¹.

Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 37-NQ/TW, ngày 20/4/1981, về chính sách khoa học và kỹ thuật nhấn mạnh: “Trong lĩnh vực bảo vệ môi

trường, cần đẩy mạnh các công trình nghiên cứu làm cơ sở cho việc bảo vệ có hiệu lực các hệ sinh thái, cho sự tái sinh của các tài nguyên thiên nhiên trong điều kiện nhiệt đới của nước ta trong quá trình phát triển kinh tế (khai hoang, khai thác dầu khí, xây dựng các công trình thủy điện, v.v.), cho việc khôi phục

các hệ sinh thái đã bị phá hoại do chiến tranh và do việc khai thác tài nguyên không có tổ chức gây ra. Chú trọng đề xuất các biện pháp chống ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, chống thoái hóa đất và chống các tác nhân độc hại trong lao động sản xuất và trong sinh hoạt, nhất là tại các khu công nghiệp và các thành phố”²².

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, ngày 15/12/1986 nêu rõ: “Loài người đang đứng trước sự lựa chọn về nhiều vấn đề mới có tính toàn cầu... những vấn đề toàn cầu đang đặt ra trước tất cả các dân tộc và cộng đồng nhân

Trong phát triển kinh tế, Đảng ta nhận thức rõ yêu cầu bảo vệ môi trường: “Phải chú trọng đầy đủ việc bảo vệ môi trường trong công tác khai hoang. Khai hoang phải đi liền với bảo vệ và cải tạo đất, xây dựng đồng ruộng; “Trong việc nghiên cứu thiết kế và xây dựng các công trình dầu khí “phải đặc biệt chú trọng bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm”.

loại, như các vấn đề: bùng nổ dân số, lương thực, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường...”²³.

Cùng với nhận thức về bảo vệ môi trường, “ở nước ta, quan điểm phát triển nhanh và bền vững đã được nhận thức rất sớm và thể hiện trong nhiều chủ trương, nghị quyết của Đảng. Ngay từ Đại hội III năm 1960 và Đại hội IV năm 1976, Đảng ta đã đặt mục tiêu “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”. Đại hội VII thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000, nhấn mạnh “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường”. Đại hội VIII nêu bài học “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 thông qua tại Đại hội IX khẳng định: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”. Đại hội X nêu bài học về phát triển nhanh và bền vững, trong đó, ngoài các nội dung phát triển kinh tế, xã hội, môi trường còn bổ sung yêu cầu phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ và xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 là: “Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người”²⁴.

Báo cáo của Bộ Chính trị, số 193/TLHN, ngày 25/9/2009 tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 (Trình Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X) nêu rõ một trong những định hướng phát triển của Chiến lược phát triển 2011-2020 là: “Bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, chủ động ứng phó có hiệu

quả với biến đổi khí hậu. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng, vào các chương trình, dự án. Các dự án đầu tư xây dựng mới phải bảo đảm yêu cầu về môi trường. Thực hiện nghiêm ngặt lộ trình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm. Khắc phục suy thoái, khôi phục và nâng cao chất lượng môi trường. Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng. Quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển “năng lượng sạch”, “sản xuất sạch”, “tiêu dùng sạch”. Bảo đảm cho người dân được sống trong môi trường có chất lượng ngày càng tốt hơn về không khí, đất, nước, cảnh quan...”²⁵.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI tiếp tục khẳng định phải: “Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư. Các dự án, công trình đầu tư xây dựng mới bắt buộc phải thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường. Quản lý, khai thác hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cân bằng sinh thái. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với nước ta; thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc

gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực tham gia, phối hợp cùng cộng đồng quốc tế hạn chế tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất²⁶. Phải “Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh”²⁷; “Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát triển các dịch vụ môi trường, xử lý chất thải”²⁸.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đề ra mục tiêu: “Đến năm 2020, có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững, kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; về cơ bản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh thiên tai, giảm mức phát thải khí nhà kính”²⁹; “Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”³⁰.

Đại hội XIII của Đảng xác định một trong những định hướng quan trọng trong phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ

môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”³¹; “Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cacbon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất”³².

Cụ thể hóa quan điểm Đại hội XIII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Sáu khóa XIII đề ra các nhiệm vụ: “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững... phát triển kinh tế xanh”³³; “chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải cacbon thấp”³⁴; “Xây dựng lộ trình, hoàn thiện các cơ chế, chính sách cho thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh, bền vững, phù hợp với xu thế của thế giới, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia”³⁵; “ưu tiên phát triển vật liệu xanh, vật liệu mới thân thiện với môi trường”³⁶; “Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh”³⁷; “ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh”³⁸; “Sử dụng hiệu quả chính sách đặt hàng sản xuất và chính sách mua sắm công để thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”³⁹; “phát triển mạnh tài chính xanh, tín dụng xanh”⁴⁰; “Nghiên cứu, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược trong một số ngành, lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, phát triển xanh, bền vững”⁴¹.

Những trình bày kể trên cho thấy, tư duy của Đảng về phát triển kinh tế xanh, bền vững là quá trình từng bước hình thành, hoàn thiện nhận thức trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tổng kết thực tiễn phát triển đất nước qua 50 năm thống nhất đất nước, 40 năm đổi mới và chất lọc tiếp thu tinh hoa nhân loại. Tư duy đó bắt đầu từ yêu cầu phải không ngừng nâng cao đời sống, hạnh phúc của nhân dân gắn với yêu cầu vừa khai thác sử dụng tự nhiên để phát triển sản xuất đồng thời coi trọng bảo vệ, tái tạo môi trường sinh thái, đến nhận thức về yêu cầu và nội dung phát triển bền vững, phát triển kinh tế xanh ngày càng đầy đủ hơn.

2.2. Một số yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển kinh tế xanh, bền vững giai đoạn hiện nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế và sự hình thành, phát triển nhận thức của Đảng ta về phát triển kinh tế xanh, bền vững có thể xác định một số yêu cầu đặt ra đối với vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển kinh tế xanh, bền vững giai đoạn hiện nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 như sau:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói riêng, nhất là những vấn đề có tính phương pháp luận như nguyên tắc: vừa tuân theo quy luật phát triển kinh tế chung nhưng phải coi trọng tính đặc thù của từng nước, từng nơi, từng hoàn cảnh khi vận dụng các quy luật ấy; quan điểm “vì con người, vì nhân dân; mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; yêu cầu tái tạo và bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế...”

Thứ hai, tiếp tục chất lọc tinh hoa nhân loại, kinh nghiệm quốc tế; nghiên cứu thực tiễn phát triển đất nước để xây dựng hệ thống lý luận khoa học về phát triển kinh tế xanh, góp phần tiếp tục hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển xanh, tạo cơ sở cho việc thể chế hóa, cụ thể hóa đầy đủ, đồng bộ và tổ chức thực hiện hiệu quả góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập nước.

Thứ ba, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nguy cơ đe dọa nghiêm trọng sức khỏe, đời sống nhân dân, sự phát triển bền vững của đất nước từ biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và vai trò, ý nghĩa của phát triển xanh, phát triển kinh tế xanh. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo dư luận xã hội lên án và thống nhất nhận thức về việc phải xử lý nghiêm các hành vi sử dụng lãng phí tài nguyên, đốt phá rừng, gây ô nhiễm môi trường, săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã. Nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và mọi người dân. Xây dựng tiêu chí, chuẩn mực về bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế xanh trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Thực hiện đánh giá, phân hạng về phát triển kinh tế xanh đối với các ngành, địa phương. Phổ biến các thực hành tốt và hành động thiết thực về sản xuất xanh, lối sống, tiêu dùng xanh, hài hòa với thiên nhiên, gắn kết với các giá trị truyền thống. Chú trọng giáo dục về kỹ năng mềm, tăng cường phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội để hình thành phong cách, ý thức sống xanh, văn minh, công hiến và sáng tạo. Nâng cao năng

lực nhận diện nhân năng lượng, nhân sinh thái, nhân xanh đối với hàng hóa, sản phẩm; tăng cường phổ biến thông tin sản phẩm, dịch vụ phát thải thấp, thân thiện môi trường...

Thứ tư, gắn kết việc tuyên truyền, giáo dục,

nâng cao nhận thức của toàn xã hội về phát triển kinh tế xanh với đẩy mạnh học tập, vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong bối cảnh thực tiễn mới ❖

¹ http://www.unep.org/greeneconomy/Portals/88/documents/ger/GER_synthesis_ru.pdf

² http://www.unclearn.org/sites/www.unclearn.org/files/inventory/UNEP90_RUS.pdf

³ <https://www.greeneconomycoalition.org/assets/reports/GEC-Reports/Principles-priorities-pathways-inclusive-green-economies-web.pdf>

^{4,5} <https://www.greeneconomycoalition.org/news-and-resources/a-time-of-yes-and>

^{6,9,14} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 13, tr.30, 387, 472.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.21.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.612.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 12, tr.314.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 7, tr.572.

^{12,13,15,16} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 14, tr.445, 20-21, 180, 294.

^{17,18,19} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2004, tập 37, tr.15, 16, 711-712.

^{20,21} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 38, tr.332, 770.

²² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 42, tr.143.

²³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tập 47, tr.370.

²⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tập 69, tr.932.

²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tập 68, tr.980.

^{26,27,28,29,30} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, Phần II, tr.425, 468, 488, 682, 772.

^{31,32} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021 tập I, tr.116-117, 275.

^{33,34,35,36,37,38,39,40,41} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ Sáu Ban chấp hành trung ương khóa XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.48-49, 124, 126, 135, 143, 145, 146, 147, 149.